TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04-05-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa chị H với anh Huy

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 471/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hà Mỹ H, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp Tân Hòa Thuận, xã TH, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Quốc Huy, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Thuận, xã BL, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/5/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Mỹ H trình bày:

1. Về hôn nhân: Vào năm 2006 vợ chồng anh chị quen biết, tìm hiểu, yêu thương và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BL.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn xin được ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 24/7/2007 và Nguyễn Thành Thái, sinh ngày 04/6/2010. Hiện các cháu đang sống với cha. Chị đồng ý giao 02 cháu cho anh H1 nuôi dưỡng và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị H tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện ban đầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh H1 Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn có đăng ký kết hôn theo quy định, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn, Tòa án nhiều lần mở các phiên hòa giải nhằm mục đích động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H1 vắng mặt không lý do, thể hiện anh H1 không còn quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ vợ chồng, nên chị Hạnh yêu cầu ly hôn với anh H1 là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

- Về nuôi con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung tên Minh và Thái, hiện 02 cháu đang sống chung với anh H1, chị H đồng ý giao các cháu cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng, các cháu cũng có nguyện vọng được chung sống với anh H1. Xét yêu cầu của chị H, nguyện vọng của các cháu nên đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận giao cháu Minh, Thái cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con anh H1 không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, nếu anh H1 có yêu cầu về cấp dưỡng thì khởi kiện thành vụ kiện khác; về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản photo chứng minh nhân dân; Sổ hộ khẩu; Bản sao giấy khai sinh cháu Minh, cháu Thái; Bản photo Giấy chứng nhận kết hôn; Bản nguyện vọng của các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, nuôi con chung bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn xét xử vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh H1 đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BL, huyện C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 96, ngày 11/6/2014. Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp anh chị ly thân đã lâu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh H1 vắng mặt không lý do. Thời gian ly thân là thời gian để vợ chồng suy ngẫm và hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng anh chị đã không hàn gắn được. Cho thấy anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn với anh H1 là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Chị H và anh H1 có hai con chung tên Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 24/7/2007 và Nguyễn Thành Thái, sinh ngày 04/6/2010. Hiện các cháu đang do anh H1 chăm sóc nuôi dưỡng.

Xét, chị H tự nguyện giao 02 con cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Minh, Thái có nguyện vọng được chung sống với anh H1. Xét yêu cầu của chị H, nguyện vọng của các cháu, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt

của các cháu, tạo điều kiện cho các cháu được ổn định về tâm lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Minh, Thái cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp anh H1 có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Mỹ H được ly hôn anh Nguyễn Quốc H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 96, ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã BL, H1ện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Chị Hà Mỹ H và anh Nguyễn Quốc H1 có hai con chung tên Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 24/7/2007 và Nguyễn Thành Thái, sinh ngày 04/6/2010.

Giao hai cháu Nguyễn Đức Minh, sinh ngày 24/7/2007 và Nguyễn Thành Thái, sinh ngày 04/6/2010 cho anh Nguyễn Quốc H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp anh H1 có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Hà Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số: 0005295 ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã BL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chào **Nguyễn Ngọc Đầy** **Lê Thị Hồng Thi**